

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 18 - 01 - 2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Thanh**

Bà **Lê Thị Vân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2021/QĐ-PT ngày 02/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Nhất Ph, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 20/5, thôn AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Cao T – Văn phòng luật sư BT – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 20/5, thôn AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Xuân Th – Văn phòng luật sư NT – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐT, Lâm Đồng – Phòng giao dịch

LK.

Địa chỉ: Lô 90, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc A, chức vụ: Giám đốc (theo Quyết định số 27/QĐ-NHNoĐT-TH ngày 15/01/2020)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành Tr, chức vụ: Phó giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thụy Nhất Ph - Nguyên đơn

Ông Nguyễn Huy Đ - Bị đơn

(Bà Ph, ông Đ và các Luật sư có mặt tại phiên tòa; ông Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Nhất Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Huy Đ quen biết, tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau và dẫn đến ông Đ có đánh đập bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Đ được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đoàn Phương Ch, sinh năm 2000 và Nguyễn Đoàn Phương Th, sinh ngày 27/7/2003. Con chung tên Ch đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung tên Th hiện sống chung với ông Đ, khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với bà hoặc ông Đ do cháu quyết định.

- Về tài sản chung: Bà và ông Đ có các tài sản chung sau:

1. Diện tích 297m², thửa số 750, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số BA 157639 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 29/1/2010, cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Huy Đ bà Nguyễn Thụy Nhất Ph; Đất tọa lạc tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 dãy nhà trọ, vợ chồng bà cùng nhau xây dựng nên.

2. Diện tích 67m², thửa số 220, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T340233 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày

05/11/2001, đứng tên hộ ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 20/5, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 căn nhà, trước đây có 01 căn nhà cũ, sau khi kết hôn vợ chồng bà đập nhà cũ, xây căn nhà hiện nay.

3. Diện tích 166.80m², thửa số 703, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 17, đường Tô Hiến Thành, khu phố 4, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 dãy nhà trọ.

4. Xe:

- 01 xe ô tô 04 chỗ, hiệu Chevrolet Cruze, biển số 51A – 05817 do Võ Thúy Á (tại Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên. Vợ chồng bà mua năm 2012 với giá 440.000.000đ nhưng không sang tên cho vợ chồng bà, hiện nay do ông Đ đang quản lý và đã sang tên cho em trai là ông Nguyễn Viết Thắng.

- 01 xe máy SH hiện do bà đang quản lý, 01 xe Suxìpo do ông Đ đang quản lý.

- Toàn bộ hàng hóa gồm quần áo các loại và các phụ kiện để trên lầu (tại nhà 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm đồng) ông Đ đang chiếm giữ có giá theo thỏa thuận giữa bà và ông Đ là 100.000.000đ

6. Toàn bộ phụ tùng xe, đồ sửa xe để hành nghề sửa xe Honda của ông Đ tại nhà số 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng do ông Đ đang quản lý sử dụng.

Bà đề nghị chia $\frac{1}{2}$, đối với tài sản nào không còn thì bà đề nghị chia bằng tiền theo quy định.

7. Toàn bộ vàng bạc, tư trang của bà và ông Đ gồm: 02 kiềng vàng 18, 01 dây chuyền vàng 18k, 04 mặt dây chuyền vàng 18k, 05 nhẫn vàng 18k, 01 nhẫn nam vàng 18k, 01 dây chuyền vàng nam 18k và các vật dụng trong nhà, bà muốn lấy: 01 giường, 01 tủ trang điểm, 01 cái mền lông lớn, 01 cái quạt treo tường ở phòng ngủ của bà, quần áo, hình ảnh chụp của bà và 01 nệm lò xo trên lầu, 01 máy giặt, 01 bức tranh đơn sắc, bức tranh Phúc Lộc Thọ, 01 bình hơi để bơm xe máy, 01 mô tơ xịt rửa xe, 01 lò nướng + tủ đựng ly, chén; 01 tủ lớn, 02 cái mền, 01 nệm, 01 gối, dra, đèn, 01 tủ để đèn trong phòng ngủ, 02 cái vòi sen trong 02 phòng tắm, 02 bồn rửa mặt, bức tranh chữ Nhẫn, bức tranh hoa cúc và các tranh linh tinh khác, 02 cái quạt trần, 01 bình hơi để ở nhà bà nội bà không yêu cầu Tòa án chia để hai bên tự thỏa thuận.

Ngoài các tài sản trên đây bà không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm tài sản nào khác.

Riêng đối với tiền gửi tại Ngân hàng quây sạp bà đã bán và rút trước khi ly hôn để chi tiêu trong gia đình nên không đồng ý chia các tài sản này.

- Về nợ chung: Đối với khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐT, Lâm Đồng – Phòng giao dịch LK theo yêu cầu của Ngân hàng thì số nợ gốc 305.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 27/10/2020 là 990.668đ, Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 305.000.000đ và lãi phát sinh trước ngày 12/01/2021. Do chưa đến hạn trả nợ ngân hàng, bà hoặc ông Đ ai nhận tài sản chung là diện tích 67m² thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 01 tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng thì có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, còn tiền lãi ông Đ phải tự trả vì sau khi vợ chồng mâu thuẫn ông Đ nhận toàn bộ số tiền cho thuê các dãy nhà trọ.

Bị đơn ông Nguyễn Huy Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận về quan hệ hôn nhân như Bà Ph trình bày là đúng, hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, theo yêu cầu xin ly hôn của Bà Ph ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Đoàn Phương Ch, sinh năm 2000 và Nguyễn Đoàn Phương Th, sinh ngày 27/7/2003. Con chung tên Chi đã thành niên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung tên Th hiện sống chung với ông, khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai tùy các cháu.

- Về tài sản chung:

1. Diện tích 297m², thửa số 750, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số BA 157639 Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 29/1/2010, cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Huy Đ, bà Nguyễn Thụy Nhất Ph; tọa lạc tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 dãy nhà trọ do vợ chồng xây dựng. Ông công nhận đây là tài sản chung của ông và Bà Ph.

2. Diện tích 67m², thửa số 220, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T340233 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 05/11/2001, đứng tên hộ ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 20/5, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 căn nhà, trước khi xây dựng căn nhà này thì ông đã có 01 căn nhà cũ, năm 2016 – 2017 thì ông sửa chữa lại, căn nhà này là tài sản riêng của ông, nguồn gốc đất là của bố mẹ ông cho ông nên không đồng ý chia.

3. Diện tích 166.80m², thửa số 703, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 17, đường Tô Hiến thành, khu phố 4, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 dãy nhà trọ. Nguồn gốc đất này là từ việc ông bán đất của ba mẹ ông cho để mua, đây là tài sản riêng của ông không đồng ý chia.

4. Xe ô tô 04 chỗ hiệu Chevrolet Cruze, biển số 51A – 05817 do Võ Thúy Ái đứng tên. Đây không phải tài sản chung của vợ chồng ông vì không đứng tên vợ chồng ông mà đứng tên người khác và hiện nay không còn chiếc xe này nên không đồng ý chia.

5. 02 quầy sạp tại chợ Liên Hiệp, do Bà Ph tự chuyển nhượng ông không biết nên đề nghị chia ½ tài sản này.

6. 01 xe máy SH hiện do Bà Ph đang quản lý, 01 xe Suxipo ông đã bán chi tiêu trong gia đình nên chỉ đồng ý chia ½ giá trị xe SH.

7. Toàn bộ hàng hóa gồm quần áo các loại và các phụ kiện để trên lầu (tại nhà 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm đồng) ông Đ đang chiếm giữ, có giá theo thỏa thuận giữa ông và Bà Ph là 100.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó Bà Ph đã về lấy đi nên không đồng ý chia tài sản này.

8. Số tiền 40.000.000đ Bà Ph gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân Liên Hiệp và 350.000.000đ trong tài khoản số 0561.000.587.226 đứng tên Bà Ph tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đức Trọng đề nghị chia ½ tài sản này.

9. Đối với các vật dụng trong nhà, tư trang: Ông đồng ý để hai bên tự thỏa thuận như lời trình bày của Bà Ph.

- Về nợ chung: Đối với khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐT, Lâm Đồng – Phòng giao dịch LK theo yêu cầu của Ngân hàng thì số nợ gốc 305.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 27/10/2020 là 990.668đ, Ngân hàng yêu cầu ông và Bà Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 305.000.000đ và lãi phát sinh trước ngày 12/01/2021.

Do ông và Bà Ph không thỏa thuận được với nhau về phần tài sản, ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ trên mỗi người trả ½ số nợ cho Ngân hàng trên tổng số nợ 430.000.000đ. Ông đã trả cho Ngân hàng được 210.726.000đ, phần của ông còn phải trả cho Ngân hàng là 4.274.000đ, phần còn lại Bà Ph phải trả cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đức Trọng, Lâm Đồng – Phòng giao dịch LK (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Thành Trung đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Huy Đ và bà Nguyễn Thụy Nhất Ph đang còn dư nợ tại Ngân hàng số tiền nợ gốc là 305.000.000đ và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/10/2020 số tiền 990.668đ, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 5412LAV201800938 ngày 12/4/2018; Số tiền vay 230.000.000đ, dư nợ hiện tại là 130.000.000đ; Lãi đã trả đến ngày 12/10/2020 là 48.454.427đ; Lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/10/2020 là 568.750đ; Ngày trả nợ cuối cùng 12/4/2021; Ngày đến hạn lãi gần nhất 12/01/2021.

- Hợp đồng tín dụng số 5412LAV201900960 ngày 18/4/2019: Số tiền vay 200.000.000đ, dư nợ hiện tại là 175.000.000đ; Lãi đã trả đến ngày 19/10/2020 là 37.271.918đ; Lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/10/2020 là 421.918đ; Ngày trả nợ cuối cùng 18/4/2021; Ngày đến hạn gốc gần nhất 18/4/2021; Ngày đến hạn lãi gần nhất 18/01/2021.

Các khoản vay trên của ông Đ, Bà Ph được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2080/HĐTC ngày 20/4/2016, bao gồm: Quyền sử dụng đất tại nông thôn diện tích 67m² thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 01 tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 340233 ngày 05/11/2001; quyền sử dụng đất ở tại nông thôn diện tích 100m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 197m² thuộc thửa đất số 750, tờ bản đồ số 01 tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 157639 ngày 29/01/2010.

Trong quá trình Bà Ph, ông Đ làm thủ tục ly hôn tại Tòa án ông Nguyễn Huy Đ vẫn thanh toán đúng lãi và gốc. Nay Ngân hàng kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết xác định quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ và tài sản bảo đảm tiền vay của ông Nguyễn Huy Đ và bà Nguyễn Thụy Nhất Ph tại Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Huy Đ, bà Nguyễn Thụy Nhất Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay 305.000.000đ (nợ gốc) và lãi phát sinh trước ngày 12/01/2021 và Ngân hàng sẽ trả lại tài sản bảo đảm cho các bên theo quy định.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Nhất Ph và ông Nguyễn Huy Đ.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung:

Giao ông Nguyễn Huy Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đoàn Phương Th, sinh ngày 27/7/2003 cho đến ngày con chung thành niên. Bà Nguyễn Thụy Nhất Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho bà Nguyễn Thụy Nhất Ph được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 166.80m², thửa số 703, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 17, đường Tô Hiến Thành, khu phố 4, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 dãy nhà trọ và nhận số tiền chênh lệch tài sản do ông Nguyễn Huy Đ thanh toán lại sau khi cân trừ số nợ cho Ngân hàng là 129.781.700đ.

Ông Nguyễn Huy Đ có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thụy Nhất Ph 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 215621, vào sổ 7274Q6 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ.

- Giao bà Nguyễn Thụy Nhất Ph được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe máy SH biển số 49E1-392.84 (*Bà Ph đã nhận tài sản này*)

3.2. Chia cho ông Nguyễn Huy Đ được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 297m², thửa số 750, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số BA 157639 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 29/1/2010, cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Huy Đ bà Nguyễn Thụy Nhất Ph; Đất tọa lạc tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 dãy nhà trọ; Và diện tích 67m², thửa số 220, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 340233 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 05/11/2001, đứng tên hộ ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 20/5, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4.

- Giao ông Đ được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe máy Suxipo biển số 4E1-382.69 (ông Đ đã nhận tài sản này)

- Chia cho ông Đ được quyền sử dụng toàn bộ hàng hóa gồm quần áo các loại và các phụ kiện để trên lầu (tại nhà 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng) và toàn bộ phụ tùng xe, đồ sửa xe để hành nghề sửa xe Honda tại nhà số 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (gồm 39 danh mục tại mục 5.3 chứng thư thẩm định giá số 1744/TĐG-CT ngày 03/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai: 01 máy tiện, 01 máy mài hai đầu, 01 máy khoan đứng, 01 máy ra vào lớp, 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy vặn ốc, 04 đội thủy lực, 01 máy khoan tay 1, 01 máy khoan tay 2, 01 máy mài tay, 01 máy bắn đinh, 15 chai dầu nhớt xe tay ga, 08 chai dầu nhớt xe số, 08 chai dầu Gboil, 01 lớp xe máy 1, 05 lớp xe máy 2, 01 niềng xe máy, 02 bộ nhông sên đĩa, 01 sên xe máy, 05 bộ thắng xe máy, 05 dây côn xe máy, 05 bạc đạn 1, 07 bạc đạn 2, 02 bạc đạn 3, 01 xích cam, 02 bộ thắng đĩa, 04 Ic xe máy, 07 đĩa thắng, 12 khóa chữ T, 03 cò lê 1, 04 cò lê 2, 03 cò lê 3, 04 cò lê 4, 04 cò lê 5, 06 cò lê 6, 04 cò lê , 02 kim bấm, 01 cò lê lực), (ông Đ đã nhận toàn bộ tài sản này).

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Huy Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐT, Lâm Đồng – Phòng giao dịch LK 305.000.000đ gốc và 1.160.000đ tiền lãi tính đến ngày 21/01/2021 và có trách nhiệm trả lãi cho đến khi trả xong nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng số: 5412LAV201800938 ngày 12/4/2018 và Hợp đồng tín dụng số: 5412LAV201900960 ngày 18/4/2019.

Trường hợp các bên có phát sinh tranh chấp liên quan đến Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Sau khi ông Đ trả xong số nợ trên cho Ngân hàng, ông Đ được quyền liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐT, Lâm Đồng – Phòng giao dịch LK để nhận lại: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số T 340233 ngày 5/11/2001 và Số BA 157639 ngày 29/1/2010.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Huy Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho Bà Ph số tiền 15.317.847đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03/2/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Nhất Ph và bị đơn ông Nguyễn Huy Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Bà Ph yêu cầu được nuôi con chung; yêu cầu được nhận các tài sản là nhà đất đã chia cho ông Đ; không đồng ý việc xác định tiền trong tài khoản của bà là tài sản chung để chia.

- Ông Đ cho rằng thửa đất 220 diện tích 67m² là tài sản riêng của ông; nhà đất tại thửa 703, diện tích 166.8m², trên đất có dãy nhà trọ là do ông bán tài sản riêng để mua; xe ô tô là của cha mẹ mua cho em trai; đồ nghề sửa xe là tài sản riêng của ông; quầy sạp là tài sản chung Bà Ph đem bán; ông không đồng ý nhận quần áo, thanh toán cho Bà Ph số tiền ½ giá trị tài sản này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Ph thay đổi, không kháng cáo về con chung. Lý do, các con đã trưởng thành. Bà Ph, ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần tài sản.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Ph trình bày số tiền 40.000.000 đồng Bà Ph gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân Liên Hiệp là tiền quyên góp từ thiện nên không chia. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Bà Ph, chia cho Bà Ph 2 diện tích nhà đất mà cấp sơ thẩm đã chia cho ông Đ, Bà Ph thanh toán cho ông Đ tiền chênh lệch giá trị tài sản.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ cho rằng: Đối với căn nhà trên diện tích đất 67m² thuộc thửa 220 theo chứng thư thẩm định giá ngày 11/8/2021 phải trừ giá trị phần diện tích xây dựng vi phạm lộ giới. Diện tích 166.8m² thửa 703 được hình thành từ thửa đất của ông Đ có trước, ông Đ bán đi để mua thửa đất này và dùng tiền bán đất còn lại để xây nhà trọ trên thửa đất 703 nên đề nghị xác định thửa 703 và tài sản trên đất là tài sản riêng của ông Đ. Tiền lãi Ngân hàng ông Đ đã trả 110.366.000 buộc Bà Ph phải chịu ½.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của Bà Ph, xác định số tiền 40.000.000 đồng Bà Ph gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân Liên Hiệp là tiền quyên góp từ thiện nên không chia. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm về phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Ph và ông Đ có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa Bà Ph và ông Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Bà Ph xin ly hôn, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của Bà Ph về con chung: Do hiện nay các con đã trưởng thành nên tại phiên tòa hôm nay Bà Ph thay đổi không kháng cáo về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Xét kháng cáo của Bà Ph và ông Đ về phần tài sản thì thấy rằng:

Đối với các tài sản chung là bất động sản:

[3.1] Diện tích 297m², thửa số 750, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA 157639 do ngày 29/01/2010, cho vợ chồng ông Đ, Bà Ph; trên đất có 01 dãy nhà trọ. Quá trình giải quyết vụ án Bà Ph, ông Đ thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng nên chia mỗi người ½.

[3.2] Diện tích 67m², thửa số 220, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T340233 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 05/11/2001, đứng tên hộ ông Đ, đã cập nhật thay đổi chuyển quyền sử dụng đất thành ông Đ, Bà Ph ngày 07/3/2016, tọa lạc tại số 20/5, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Bà Ph cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng vì sau khi bà và ông Đ kết hôn, bố mẹ chồng cho diện tích đất này, trên đất có căn nhà cũ. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại đây, ông bà đã xây lại căn nhà cấp 4 như hiện nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ và bà nên yêu cầu chia đôi tài sản này. Ông Đ cho rằng đây là tài sản bố mẹ ông cho trước khi kết hôn nên không đồng ý chia.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc diện tích đất nói trên là của bố mẹ ông Đ cho ông Đ, năm 2001 ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đ. Tại thời điểm năm 2001, hộ ông Đ có Bà Ph là vợ. Đến ngày 07/3/2016 ông Đ đã chuyển quyền sử dụng đất hộ ông Nguyễn Huy Đ thành ông Nguyễn Huy Đ và bà Nguyễn Thụy Nhất Ph (thể hiện tại trang 4 phần cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 340233 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 05/11/2001) đây được xem là sự thỏa thuận xác nhận tài sản riêng của ông Đ thành tài sản chung của vợ chồng. Cấp sơ thẩm đã xem xét đến nguồn gốc diện tích đất và chia theo tỷ lệ 4/6 (Bà Ph 4, ông Đ 6); đối với

căn nhà xây trên đất, hai bên xác định tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân nên chia mỗi người 1/2 là phù hợp.

[3.3] Diện tích 166.80m², thửa 703, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 17, đường Tô Hiến Thành, khu phố 4, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 dãy nhà trọ. Bà Ph cho rằng đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị chia đôi. Ông Đ cho rằng nguồn tiền để mua diện tích đất trên là từ việc ông bán diện tích đất bố mẹ ông cho ở Liên Hiệp lấy tiền mua nên đây là tài sản riêng. Tuy nhiên, ông không có bất cứ văn bản nào xác định đó là tài sản riêng của ông trong thời kỳ hôn nhân, trong khi Bà Ph không đồng ý. Mặt khác, sau khi mua diện tích đất này Bà Ph, ông Đ đã xây dựng 02 dãy nhà trọ để kinh doanh. Do vậy, cấp sơ thẩm đã xác định là tài sản chung và chia cho mỗi người 1/2 là có căn cứ.

[3.4] Như đã phân tích trên, thửa đất số 220, diện tích 67m², trên đất có căn nhà cấp 4, nguồn gốc là của cha mẹ ông Đ, hiện nay ông Đ và 2 con chung của ông Đ, Bà Ph đang ở. Đồng thời, ông Đ hành nghề sửa chữa xe máy tại đây từ trước khi chung sống với Bà Ph cho đến nay. Ông Đ và Bà Ph đã thế chấp hai thửa đất 220 và thửa đất số 750, diện tích 297m², tờ bản đồ số 01, tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT để vay vốn ngân hàng. Xét nhu cầu sử dụng nhà để ở, để hành nghề và để đảm bảo cho việc thanh toán nợ cho Ngân hàng nên cấp sơ thẩm đã giao cho ông Đ sở hữu, sử dụng và ông Đ thanh toán lại cho Bà Ph bằng giá trị là phù hợp.

Khi chia tài sản đối với nhà đất tại thửa các thửa 750, diện tích 297m² và thửa 703, diện tích 166.80m² được áp dụng giá theo chứng thư ngày 03/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai. Riêng nhà đất tại thửa 220 tại giai đoạn phúc thẩm Bà Ph có yêu cầu định giá lại nên áp dụng giá theo chứng thư ngày 11/8/2021 và công văn số 023/CV-TĐGV- 2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Việt (BL 590, 593), cụ thể như sau:

- Chia cho Bà Ph được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 166.80m², thửa số 703, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 17, đường Tô Hiến Thành, khu phố 4, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 dãy nhà trọ. Giá trị quyền sử dụng đất là 2.339.606.000đ, nhà trọ trên đất trị giá 197.625.600đ, tổng cộng 2.537.231.600đ.

- Chia cho ông Đ diện tích 297m², thửa số 750, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số BA 157639, ngày 29/1/2010, cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Huy Đ bà

Nguyễn Thụy Nhất Ph, đất tọa lạc tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 dãy nhà trọ. Giá trị quyền sử dụng đất là 1.278.140.000đ, nhà trọ trên đất trị giá 145.935.000đ, tổng cộng 1.424.075.000.

- Chia cho ông Đ diện tích 67m², thửa số 220, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 340233 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 05/11/2001, đứng tên hộ ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 20/5, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có căn nhà cấp 4. Giá trị quyền sử dụng đất là 1.048.215.000 đồng (chia theo tỷ lệ 6/4) ông Đ được nhận 628.929.000 đồng, Bà Ph được nhận 419.286.000 đồng); và căn nhà trên đất có giá 687.184.351 đồng, tổng cộng 1.735.399.351 đồng.

Như vậy, đối với các tài sản tại mục [3.1], [3.2] và [3.3] Bà Ph, ông Đ được nhận cân trừ phần chênh lệch tính theo giá trị tài sản:

- Bà Ph được chia là $1.268.615.800đ + 712.037.500đ + 419.286.000đ + 343.592.175đ = 2.743.531.475đ$, Bà Ph được nhận tài sản có giá trị 2.537.231.600đ.

- Ông Đ nhận là $1.268.615.800đ + 712.037.500đ + 628.929.000đ + 343.592.175đ = 2.953.174.475đ$.

Cân trừ giá trị tài sản các bên đã nhận, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán lại phần chênh lệch đối với các tài sản tại mục [3.1], [3.2] và [3.3] cho Bà Ph là $2.743.531.475đ - 2.537.231.600đ = 206.299.875đ$.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Ph yêu cầu được nhận nhà đất tại thửa 750 và thửa 220. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn yêu cầu xác định thửa 220 và thửa 703 là tài sản riêng của ông.

[4] Về các tài sản chung khác:

[4.1] Đối với 01 xe ô tô 04 chỗ, hiệu Chevrolet Cruze, biển số 51A – 05817. Bà Ph cho rằng chiếc xe mua năm 2012 của bà Võ Thúy Ái ở TP Hồ Chí Minh với giá 440.000.000 đồng là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi. Ông Đ kháng cáo cho chiếc xe rằng không phải là tài sản chung của vợ chồng. Theo hồ sơ thể hiện việc ông Đ mua chiếc xe là có thật, ông Đ cho rằng đây không phải là tài sản của vợ chồng mà đây là tài sản của mẹ và em trai ông nhưng ông không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Ông Đ kháng cáo cho rằng chiếc xe này hiện giá kịch trần cũng chỉ 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm ông Đ cũng không yêu cầu định giá lại, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Ông Đ đã sang tên cho em trai là ông Nguyễn Viết Thắng nên

cấp sơ thẩm buộc ông Đ thanh toán cho Bà Ph $\frac{1}{2}$ giá trị xe 220.000.000đ là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[4.2] Đối với toàn bộ hàng hóa gồm quần áo các loại và các phụ kiện để trên lầu (tại nhà 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm đồng) được hai bên xác định có giá trị 100.000.000đ. Bà Ph cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu chia đôi. Ông Đ thừa nhận là tài sản chung, do chưa chia cụ thể nhưng Bà Ph đòi lấy đi nên ông không đồng ý, sau đó Bà Ph và các con đã lấy đi hiện không còn. Cấp sơ thẩm đã xác định tài sản này có trong thời kỳ hôn nhân phục vụ cho việc kinh doanh buôn bán của Bà Ph. Tuy nhiên, khi có tranh chấp ông Đoàn là người quản lý, không đồng ý chia, không hợp tác nên không thể thực hiện được việc kiểm đếm cụ thể về số lượng, chủng loại. Do hai bên cùng thống nhất giá trị là 100.000.000 đồng, cấp sơ thẩm giao cho ông Đ, buộc ông Đ thanh toán cho Bà Ph $\frac{1}{2}$ giá trị 50.000.000 đồng là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông Đ về việc yêu cầu giao hiện vật cho Bà Ph, ông Đ nhận bằng giá trị.

Đối với toàn bộ phụ tùng xe, đồ sửa xe để hành nghề sửa xe Honda tại nhà số 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, hiện ông Đ đang quản lý có giá trị 24.727.000đ (*gồm 39 danh mục tại mục 5.3 chứng thư thẩm định giá số 1744/TĐG-CT ngày 03/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai*). Bà Ph cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu chia đôi. Còn ông Đ cho rằng các vật dụng sửa xe là tài sản riêng của ông có trước khi kết hôn nên không đồng ý chia. Xét thấy ông Đ hành nghề sửa xe, trước khi kết hôn với Bà Ph thì ông Đ đã mua sắm các dụng cụ để hành nghề, sau khi kết hôn ông Đ vẫn tiếp tục hành nghề sửa xe nên có căn cứ xác định các dụng cụ đồ nghề sửa xe trị giá 24.727.000đ là tài sản riêng của ông Đ.

[4.3] Đối với 02 quầy sạp tại chợ Liên Hiệp, Đức Trọng, Lâm Đồng. Bà Ph đã chuyển nhượng cho người khác vào năm 2017 khi ông Đ, Bà Ph còn chung sống với nhau với giá 40.000.000đ nên không đồng ý chia. Còn ông Đ cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng, Bà Ph bán ông không biết và hiện ông còn giữ 01 giấy chứng nhận bản chính của 01 quầy sạp. Tại phiên tòa sơ thẩm, hai bên thừa nhận Bà Ph đã bán 02 quầy sạp với giá 40.000.000đ nên cấp sơ thẩm buộc Bà Ph thanh toán lại cho ông Đ $\frac{1}{2}$ giá trị 20.000.000đ là phù hợp. Ông Đ kháng cáo cho rằng tại phiên tòa Bà Ph khai giá sang nhượng 60.000.000 đồng nhưng ông chỉ được thanh toán 20.000.000 đồng, ông yêu cầu hủy hợp đồng sang nhượng, lấy lại quầy sạp cho con gái kinh doanh là không có căn cứ. Bởi lẽ, thời điểm sang nhượng năm 2017 Bà Ph và ông Đ còn chung sống với nhau. Hơn nữa, Biên bản phiên tòa sơ thẩm (BL số 446), chủ tọa phiên tòa hỏi Bà

Ph đã trả lời bà sang nhượng 02 quầy sạp với giá 40.000.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[4.4] Đối với số tiền tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân Liên Hiệp 40.000.000đ và 350.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đức Trọng. Bà Ph cho rằng đã rút chi tiêu trong thời kỳ hôn nhân nên không đồng ý chia. Còn ông Đ cho rằng đây là tài sản chung nên đề nghị chia $\frac{1}{2}$. Cấp sơ thẩm đã xác minh tại tài khoản tiết kiệm do bà Nguyễn Thụy Nhất Ph đứng tên có: 40.000.000đ tại Quỹ tín dụng nhân dân Liên Hiệp. Tuy nhiên, theo xác nhận của trường tiểu học An Hiệp thì đây là tiền của các mạnh thường quân ủng hộ cho một học sinh có mẹ bị tai nạn giao thông, được gửi trong tài khoản tiết kiệm đứng tên Bà Ph. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Ph không chia số tiền này.

Đối với số tiền 170.000.000đ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đức Trọng, Bà Ph là người gửi và đã rút toàn bộ số tiền trên trong thời kỳ hôn nhân, đây là tài sản chung của vợ chồng, cấp sơ thẩm đã chia mỗi người $\frac{1}{2}$ là phù hợp, Bà Ph có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Đ 85.000.000đ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Ph không đồng ý chia cho ông Đ đối với số tiền này.

[4.5] Như vậy đối với các tài sản tại mục [4.1], [4.2], [4.3], [4.4] Bà Ph, ông Đ đã tự định đoạt các tài sản trên nên cần cần trừ như sau:

- Giá trị chiếc xe: 440.000.000đ, giá trị quần áo 100.000.000 đồng, tổng cộng 540.000.000đ.

- Giá trị quầy sạp 40.000.000đ, tiền tiết kiệm 170.000.000đ, tổng cộng 210.000.000đ.

Đồ dùng hành nghề sửa xe: 24.727.000đ là tài sản riêng của ông Đ.

[5] Đối với 01 xe máy SH, 01 xe máy Suxìpo. Đây là phương tiện đi lại cần thiết của mỗi bên, hiện Bà Ph đang sử dụng chiếc xe SH, còn ông Đ sử dụng chiếc xe Suxìpo. Ông Đ cho rằng ông đã bán chiếc xe Suxìpo nên hiện không còn chiếc xe này. Tuy nhiên, khi ông bán Bà Ph không biết. Cấp sơ thẩm đánh giá giá trị 02 xe này gần tương đương (43.000.000 đồng theo chứng thư BL 139) và giao cho Bà Ph 01 xe máy SH, giao ông Đ 01 xe máy Suxìpo (ông Đ đã bán). Tại giai đoạn phúc thẩm ông Đ yêu cầu định giá lại chiếc xe máy SH và giá trị xe theo chứng thư thẩm định là 51.460.000 đồng (BL 565). Chênh lệch giá trị tài sản Bà Ph phải thanh toán cho ông Đ số tiền là (51.460.000đ-43.000.000đ): 2 = 4.230.000 đồng.

Cần trừ số tiền các bên đã nhận, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán lại phần chênh lệch đối với các tài sản tại mục [4.1], [4.2], [4.3], [4.4], [5] cho Bà Ph là 160.770.000đ.

[6] Đối với các tài sản còn lại 02 kiềng vàng 18, 01 dây chuyền vàng 18k, 04 mặt dây chuyền vàng 18k, 05 nhẫn vàng 18k, 01 nhẫn nam vàng 18k, 01 dây chuyền vàng nam 18k và các vật dụng trong nhà, bà muốn lấy: 01 giường, 01 tủ trang điểm, 01 cái mền lông lớn, 01 cái quạt treo tường ở phòng ngủ của bà, quần áo, hình ảnh chụp của bà và 01 nệm lò xo trên lầu, 01 máy giặt, 01 bức tranh đơn sắc, bức tranh Phúc Lộc Thọ, 01 bình hơi để bơm xe máy, 01 mô tơ xịt rửa xe, 01 lò nướng + tủ đựng ly, chén; 01 tủ lớn, 02 cái mền, 01 nệm, 01 gối, dra, đèn, 01 tủ để đèn trong phòng ngủ, 02 cái vòi sen trong 02 phòng tắm, 02 bồn rửa mặt, bức tranh chữ Nhẫn, bức tranh hoa cúc và các tranh linh tinh khác, 02 cái quạt trần, 01 bình hơi các bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay hai bên đều thừa nhận có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐT, Lâm Đồng – Phòng giao dịch LK số tiền 430.000.000đ và đồng ý trả mỗi người $\frac{1}{2}$. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc mỗi người phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ vay là 215.000.000đ và lãi suất phát sinh cho ngân hàng. Tuy nhiên, ông Đ đã trả lãi tính đến ngày 21/01/2021 và gốc 125.000.000đ, còn nợ lại 305.000.000đ gốc, 1.160.000đ lãi. Do ông Đ đã trả 125.000.000đ nên được cần trừ, Bà Ph có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Đ 215.000.000đ ($\frac{1}{2}$ số nợ gốc vay của Ngân hàng). Đối với khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc ông Đ đã trả cho Ngân hàng từ khi vay tháng 4/2018 đến tháng 7/2021 là 28 tháng (làm tròn) với mức lãi suất 11%/năm thành tiền : $430.000.000 \text{ đ} \times 11\%/\text{năm} \times 28 \text{ tháng} = 110.336.000\text{đ}$. Do ông Đ là người trực tiếp thu tiền cho thuê nhà trọ nên cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải chịu tiền lãi. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, không khai thác được hết phòng trọ, giá cho thuê phòng giảm nên buộc Bà Ph phải chịu một phần tiền trả lãi ngân hàng với số tiền 40.000.000 đồng, phần còn lại ông Đ chịu là thỏa đáng. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ buộc Bà Ph phải chịu một phần tiền lãi ngân hàng.

Do các tài sản ông Đ được nhận khi chưa ly hôn, ông Đ, Bà Ph đã thế chấp tại Ngân hàng và ông Đ có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền chênh lệch cho Bà Ph do nhận tài sản tại: Mục [3.1], [3.2] và [3.3] là 206.299.875đ+ mục [4.1], [4.2], [4.3], [4.4], [5] là $160.770.000 + 367.069.875\text{đ}$ nên cần cần trừ số tiền số tiền do nhận tài sản chênh lệch và số tiền Bà Ph có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng

215.000.000đ (gốc) + 40.000.000 đ (lãi) = 255.000.000đ là đảm bảo các giao dịch vay vốn và thanh toán nợ cho Ngân hàng, cần buộc ông Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ vay của Ngân hàng 305.000.000đ gốc và 1.160.000đ tiền lãi tính đến ngày 21/01/2021 và lãi phát sinh cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc. Như vậy, sau khi cân trừ các khoản tiền hai bên phải thanh toán cho nhau và nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán phần còn chênh lệch cho Bà Ph là 112.069.875đ.

Theo văn bản ngày 13/12/2021 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đức trọng- Phòng giao dịch LK thì ngày 02/7/2021 ông Đ đã trả hết nợ vay và rút tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2080/HĐTC ngày 20/4/2016 gồm QSDĐ thửa 220 và thửa 750.

[8] Đối với số nợ 120.000.000đ ông Đ cho rằng ông vay của ông Tuấn và có cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tuấn. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông Đ cung cấp thông tin và địa chỉ của ông Tuấn nhưng ông Đ đề nghị tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét.

[9] Về chi phí tố tụng: Ông Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho Bà Ph số tiền 15.317.847đ.

Tại giai đoạn phúc thẩm Bà Ph, ông Đ có yêu cầu thẩm định lại giá trị tài sản, chi phí hết 14.100.000 đồng. Ông Đ phải chịu 7.000.000 đồng, Bà Ph phải chịu 7.100.000 đồng (ông Đ, Bà Ph đã ứng chi và quyết toán xong nên không đề cập).

Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Ph, ông Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[10] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên Bà Ph, ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Buộc Bà Ph phải chịu 300.000 án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bà Ph và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia sau khi trừ đi nghĩa vụ phải trả nợ ngân hàng, cụ thể:

Bà Ph phải chịu án phí trên giá trị số tài sản được nhận là 3.018.442.226đ, án phí là $72.000.000đ + 2\% \times 1.018.442.226 \text{ đ} = 92.368.845đ$.

Ông Đ phải chịu án phí trên giá trị số tài sản được nhận 3.163.263.724đ, án phí là $72.000.000đ + 2\% \times 1.163.263.724 \text{ đ} = 95.265.274đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Nhất Ph và ông Nguyễn Huy Đ.

2. Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Đoàn Phương Ch, sinh năm 2000 và Nguyễn Đoàn Phương Th, sinh ngày 27/7/2003 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Nhất Ph.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy Đ, sửa bản án sơ thẩm.

Xử.

3.1. Xác định toàn bộ phụ tùng xe, đồ sửa xe để hành nghề sửa xe Honda tại nhà số 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng là tài sản riêng của ông Đ, gồm: 39 danh mục tại mục 5.3 chứng thư thẩm định giá số 1744/TĐG-CT ngày 03/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai: 01 máy tiện, 01 máy mài hai đầu, 01 máy khoan đứng, 01 máy ra vào lốp, 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn, 01 máy vặn ốc, 04 đội thủy lực, 01 máy khoan tay 1, 01 máy khoan tay 2, 01 máy mài tay, 01 máy bắn đinh, 15 chai dầu nhớt xe tay ga, 08 chai dầu nhớt xe số, 08 chai dầu Gboil, 01 lốp xe máy 1, 05 lốp xe máy 2, 01 niềng xe máy, 02 bộ nhông sên đĩa, 01 sên xe máy, 05 bộ thắng xe máy, 05 dây côn xe máy, 05 bạc đạn 1, 07 bạc đạn 2, 02 bạc đạn 3, 01 xích cam, 02 bộ thắng đĩa, 04 Ic xe máy, 07 đĩa thắng, 12 khóa chữ T, 03 cò lê 1, 04 cò lê 2, 03 cò lê 3, 04 cò lê 4, 04 cò lê 5, 06 cò lê 6, 04 cò lê , 02 kim bấm, 01 cò lê lực, (ông Đ đã nhận toàn bộ tài sản này).

3.2. Chia tài sản chung cho Bà Ph, ông Đ, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thụy Nhất Ph được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 166.80m², thửa số 703, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 17, đường Tô Hiến Thành, khu phố 4, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 dãy nhà trọ; Giao Bà Ph được quyền

sở hữu, sử dụng 01 xe máy SH biển số 49E1-392.84 (*Bà Ph đã nhận tài sản này*).

- Ông Nguyễn Huy Đ được quyền sở hữu và sử dụng diện tích 297m², thửa số 750, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất số BA 157639 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 29/1/2010, cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Huy Đ bà Nguyễn Thụy Nhất Ph; Đất tọa lạc tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 dãy nhà trọ; Và diện tích 67m², thửa số 220, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 340233 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 05/11/2001, đứng tên hộ ông Nguyễn Huy Đ, đất tọa lạc tại số 20/5, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4; Ông Đ được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe máy Suxipo biển số 4E1-382.69 (*ông Đ đã nhận tài sản này*); ông Đ được quyền sử dụng toàn bộ hàng hóa gồm quần áo các loại và các phụ kiện để trên lầu (tại nhà 20/5, AH, LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng).

Buộc ông Đ có trách nhiệm giao cho Bà Ph 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 215621, vào sổ 7274Q6 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 21/9/2004, đứng tên ông Nguyễn Huy Đ.

Bà Ph, ông Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Buộc ông Nguyễn Huy Đ phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thụy Nhất Ph số tiền 112.069.875đ (*Một trăm mười hai triệu không trăm sáu chín ngàn tám trăm bảy lăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Huy Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thụy Nhất Ph số tiền 15.317.847đ.

5. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thụy Nhất Ph phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 92.368.845đ án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0014063 ngày 25/12/2019, số tiền 300.000 theo biên lai thu số AA/2017/0001049 ngày 23/02/2021 và 56.000.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0014117 ngày

15/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà Ph còn phải nộp 36.068.845đ án phí.

Buộc ông Nguyễn Huy Đ phải nộp 95.265.274đ án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001045 ngày 17/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông Đ còn phải nộp 94.965.274đ án phí .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Đức Trọng (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt